

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp về dân sự -
Nợ hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;
2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2020/QĐXXST- DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2020/QĐ-ST, ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị Bích N), sinh năm 1970;
2. Ông Phan Văn K, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà S có đơn xin vắng mặt; bà N và ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà S có tham gia 02 dây hui, mỗi dây 5.000.000đ do bà N làm chủ thảo. Khi đến lượt bà S hốt hui thì bà N không trả tiền giao như thỏa thuận.

Vì là chỗ quen biết và chung xóm nên bà N năn nỉ bà S cho nợ lại số tiền hui là 69.000.000 đồng. Bà S đồng ý cho nợ lại thì bà N và chồng là ông K có viết biên nhận vào ngày 29/7/2017 âm lịch và hứa trả dần mỗi vụ lúa là

10.000.000 đồng. Nhưng từ khi viết biên nhận đến nay, bà N và ông K không thực hiện đúng lời hứa trả tiền cho bà S.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông K có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền hui là 69.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn K: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó bà N và ông K cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:

1. Biên nhận nợ hui viết tay trên 01 mặt giấy tập học sinh đề ngày 29/7/2017 Âl (Bản photo);
2. Giấy CMND và sổ hộ khẩu Lê Thị S (Bản photo).

Các tài liệu, chứng cứ đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S yêu cầu bà N và ông K có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui là 69.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Nợ hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn K phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền hui

69.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà S chứng minh bằng biên nhận nợ hui do bà N và ông K ký tên.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ biên nhận nợ hui mà nguyên đơn cung cấp có nội dung bà Nguyễn Thị N chơi hui với bà Lê Thị S, nợ lại số tiền 69.000.000 đồng và hứa mỗi mùa lúa trả cho bà S 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Biên nhận đề ngày 29/7/2017 âm lịch có ông K, bà N ký tên và viết họ tên vào biên nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà N, ông K vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, bà N, ông K cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc bà N có nợ tiền hui bà S số tiền 69.000.000 đồng thì ông K cũng biết và thừa nhận khi ký tên vào biên nhận như đã nói trên là có thật. Sau khi viết biên nhận nợ hui cho đến nay thì bà N, ông K không có gì chứng minh trả tiền hui cho bà S như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của bà S có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà N và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui 69.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà N, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được tính như sau $69.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.450.000 \text{ đồng}$.

Bà Lê Thị S không phải chịu án phí và được nhận lại 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003941 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471; Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị S;

Buộc bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị Bích N) và ông Phan Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền hui là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003941 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn K phải chịu án phí sơ thẩm là 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Văn Đô

